

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa
2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Đình H, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Trương Đình H chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù cả hai đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau. Hiện nay mâu thuẫn đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà Võ Thị T không còn tình cảm gì với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có với nhau 03 con chung tên Trương Võ Thu H1, sinh ngày: 05/02/1997; Trương Võ Yến N, sinh ngày: 19/5/2002 và Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày: 21/9/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Võ Hải Đ và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Trương Võ Thu H1, Trương Võ Yến N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày không có nợ chung.

- *Bị đơn ông Trương Đình H trình bày:* Ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có 03 con chung như bà T trình bày. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung là Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày: 21/9/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Trương Võ Thu H1, sinh ngày: 05/02/1997; Trương Võ Yến N, sinh ngày: 19/5/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: ông bà không có nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Võ Thị T và ông Trương Đình H là vợ chồng; Về con chung: ông bà có với nhau 03 con chung tên Trương Võ Thu H1, sinh ngày: 05/02/1997; Trương Võ Yến N, sinh ngày: 19/5/2002 và Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày: 21/9/2005. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Võ Hải Đ cho bà T nuôi dưỡng, đối với Trương Võ Thu H1, Trương Võ Yến N hiện đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời bà Võ Thị T không yêu cầu ông Trương Đình H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu; Về nợ chung các đương sự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Võ Thị T khởi kiện ông Trương Đình H về việc “Ly hôn và yêu cầu được nuôi con”. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Trương Đình H có nơi cư trú tại ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Võ Thị T khởi kiện ông Trương Đình H, nên xác định bà Võ Thị T là nguyên đơn, ông Trương Đình H là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị T, ông Trương Đình H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị T, ông Trương Đình H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Bà Võ Thị T và ông Trương Đình H tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi chung sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống ai người đó tự lo. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà Võ Thị T không còn tình cảm gì với ông Trương Đình H nên yêu cầu được ly hôn với ông Trương Đình H. Ông H cũng xác định cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên ông đồng ý ly hôn với bà Võ Thị T.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 29) thì bà Võ Thị T và ông Trương Đình H không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà Võ Thị T và ông Trương Đình H cưới nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.*”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không*

đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Võ Thị T và ông Trương Đình H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Trương Võ Thu H1, sinh ngày: 05/02/1997; Trương Võ Yến N, sinh ngày: 19/5/2002 và Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày: 21/9/2005. Xét thấy ông bà đã thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Võ Hải Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cháu Đ cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên tiếp tục giao con chung Nguyễn Võ Hải Đ cho bà Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Còn 02 con chung Trương Võ Thu H1, Trương Võ Yến N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị T tạm thời không yêu cầu ông Trương Đình H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Võ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Võ Thị T và ông Trương Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Võ Hải Đ, sinh ngày: 21/9/2005 cho bà Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị T tạm thời không yêu cầu ông Trương Đình H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trương Đình H được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Võ Thị T. Khi cần thiết, bà Võ Thị T và ông Trương Đình H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Còn con chung Trương Võ Thu H1, sinh ngày: 05/02/1997; Trương Võ Yến N, sinh ngày: 19/5/2002 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007445 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà Võ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị T, ông Trương Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải

